

Số: 191/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 01 năm 2024

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt, công bố, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh Vĩnh Long;*

*Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;*

*Căn cứ Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh và xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện;*

*Căn cứ Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;*

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định, xác định Chỉ số cải cách hành chính tại Tờ trình số 53/TTr-HĐTD ngày 30 tháng 01 năm 2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt, công bố kèm theo Quyết định này Bảng xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2023, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, phân tích rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, đề ra mục tiêu, giải pháp duy trì kết quả đã đạt được và giải pháp cải thiện, nâng cao điểm số Chỉ số cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong năm 2024.

2. Giao Sở Nội vụ (cơ quan thường trực) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng báo cáo phân tích, đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và những năm tiếp theo.

### **Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, 01.PVHCC.

**CHỦ TỊCH**

**BẢNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023  
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN  
CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
(Kèm theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DIỂM ĐẠT ĐƯỢC	XẾP HẠNG
<b>I. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH</b>			
1	Thanh Tra tỉnh	91,25	Ngành đặc thù
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	90,50	1
3	Sở Tài chính	90,03	2
4	Sở Thông tin và Truyền Thông	89,59	3
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	89,35	4
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	89,05	5
7	Sở Khoa học và Công nghệ	89,03	6
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	88,96	7
9	Sở Nội vụ	88,65	8
10	Sở Tư pháp	87,64	9
11	Sở Xây dựng	87,52	10
12	Sở Y tế	87,47	11
13	Sở Công Thương	87,16	12
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	85,27	13
15	Sở Giao thông vận tải	85,13	14
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	83,64	15
17	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	82,67	16

18	Ban Dân tộc tỉnh	81,81	Ngành đặc thù
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	74,33	17
<b>II. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN</b>			
1	Thành phố Vĩnh Long	86,83	1
2	Huyện Trà Ôn	85,93	2
3	Thị xã Bình Minh	85,75	3
4	Huyện Mang Thít	85,34	4
5	Huyện Bình Tân	83,39	5
6	Huyện Vũng Liêm	82,40	6
7	Huyện Tam Bình	81,45	7
8	Huyện Long Hồ	81,23	8